

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TRI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/DS-ST
Ngày: 15/6/2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Hiền

2. Ông Nguyễn Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Linh – Thư ký Tòa án.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2022/TLST- DS ngày 09 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐST - DS ngày 05 tháng 5 năm 2022 (Và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST - DS ngày 26 tháng 5 năm 2022) giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Yến P, sinh năm 1972

Địa chỉ: số 46/TNG, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Ông Lê Văn M, sinh năm 1962 (Có mặt)**

Địa chỉ: số 225Đ, ấp F, xã G, thành phố H, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: 2.1. Ông Trương Thanh P1 (H), sinh năm 1981 (Vắng mặt)

2.2. Bà Bùi Thị Cẩm T, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số 383/TL, ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/01/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến P cũng như người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Yến P là ông Lê Văn M trình bày:

Vào ngày 12/10/2014 đến ngày 24/10/2015 vợ chồng ông Trương Thanh P1 (H) và bà Bùi Thị Cẩm T có mua thức ăn thủy sản của bà Nguyễn Thị Yến P với số tiền 80.000.000đ. Sau đó vợ chồng ông P1, bà T có trả lần lượt cho bà P số tiền 12.000.000đ. Từ ngày 20/10/2020 đến nay không trả thêm cho bà P số tiền nào nữa.

Vì nhiều lần bà P yêu cầu ông P1 và bà T thanh toán số tiền 68.000.000đ còn thiếu mà vợ chồng ông P1, bà T cứ hứa hẹn, trì hoãn không thực hiện nên bà P khởi kiện yêu cầu ông P1, bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P số tiền mua hàng còn thiếu là 68.000.000đ (Sáu mươi tám triệu đồng), bà P yêu cầu trả một lần, không yêu cầu tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 14/3/2022 và tại phiên hòa giải ngày 17/3/2022 bị đơn ông Trương Thanh P1 trình bày:

Ông P1 thừa nhận lời trình bày của bà P là đúng. Ông P1 xác định vợ chồng ông có mua thức ăn tại cơ sở bà P và hiện còn nợ bà P số tiền 68.000.000đ. Ông P1 (H) có ký tên vào Giấy xác nhận nợ xác định số tiền còn thiếu bà P. Số tiền 68.000.000đ thiếu này ông P1 và vợ ông là bà Bùi Thị Cẩm T đồng ý trả cho bà P, nhưng xin trả dần mỗi năm 5.000.000đ đến khi dứt nợ vì hiện giờ kinh tế quá khó khăn không có khả năng trả một lần.

Trong quá trình tố tụng Tòa án có tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Bùi Thị Cẩm T nhưng bà T vắng mặt. Theo xác nhận của ông P1 thì ông P1 cho rằng vợ ông (bà T) hoàn toàn biết sự việc Thông báo, triệu tập giải quyết của Tòa nhưng do bà T phải đi làm kiếm tiền về trả nợ nên không về dự các buổi giải quyết của tòa, quan điểm của bà T cũng thống nhất với quan điểm của ông P1.

Tại phiên tòa, ông P1 và bà T vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn ông Trương Thanh P1 và bà Bùi Thị Cẩm T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến P cũng như yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc yêu cầu ông P1 (H), bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P số tiền mua hàng còn thiếu là 68.000.000đ (Sáu mươi tám triệu đồng), bà P không yêu cầu tiền lãi, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]. Việc bà P cung cấp “Giấy xác nhận nợ” có chữ ký xác nhận nợ của ông P1 (H) xác định số tiền ông P1, bà T mua thức ăn nuôi tôm còn thiếu bà P là 68.000.000đ được ông P1 xác nhận là đúng; Đồng thời ông P1 còn xác nhận số tiền thiếu đến nay vợ chồng ông P1, bà T chưa thanh toán cho bà P nên yêu cầu khởi kiện của bà P về việc kiện đòi số tiền 68.000.000đ là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 430, 440, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Xét việc vợ chồng ông P1, bà T thừa nhận có nợ bà P số tiền mua thức ăn để nuôi tôm là 68.000.000đ, đồng ý thanh toán cho bà P nhưng xin thanh toán mỗi năm với số tiền 5.000.000đ là không được bà P cũng như người đại diện theo ủy quyền của bà P chấp nhận và không có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Xét việc ông Trương Thanh P1 và bà Bùi Thị Cẩm T được Tòa tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu của bà P nên Tòa vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông P1, bà T; Đồng thời Hội đồng xét xử nghĩ nên buộc ông P1, bà T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền 68.000.000đ cho bà P là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông P1, bà T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 430, 440, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến P đối với bị đơn ông Trương Thanh P1 (H), bà Bùi Thị Cẩm T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán. Buộc bị đơn ông Trương Thanh P1 (H), bà Bùi Thị Cẩm T

liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Yến P số tiền 68.000.000đ (Sáu mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị đơn ông Trương Thanh P1 (H), bà Bùi Thị Cẩm T nộp số tiền án phí là 3.400.000đ (Ba triệu bốn trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003759 ngày 25/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Rên